

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/7/2020

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đăng Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khóa;
2. Bà Nguyễn Thị Bích Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2020/TLST-HNGĐ ngày 18/5/2020 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lưu Thị S**, sinh năm 1989.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Đội 4, thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị T**, sinh năm 1972.

Địa chỉ cư trú: Thôn T, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Đội 4, thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Lưu Thị S và người đại diện theo ủy quyền là bà Đỗ Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh H tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Ngày 03/9/2009 đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi chung sống hạnh phúc được khoảng 7 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng hòa giải nhưng do tư tưởng khác biệt nên không thể tiếp tục chung sống nên giữa năm 2016 chị S đã về nhà mẹ đẻ sống và đến cuối năm 2016 thì chị đi lao động tại Đài Loan. Vợ chồng ly thân đến nay được khoảng 05 năm, không có liên lạc gì với nhau. Chị S xác định đời sống chung không hòa hợp nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

- Về quan hệ con chung: Chị S và anh H có 01 con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 18/5/2010, hiện đang ở với anh H. Khi ly hôn chị S đề nghị Tòa án giao con chung cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị S và anh H có tài sản chung nhưng sẽ tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị S kết hôn như chị S trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì chị S đi lao động tại Đài Loan. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do công việc bận rộn và bất đồng quan điểm về hướng phát triển kinh tế. Chị S không muốn về Việt Nam sống nên mâu thuẫn ngày càng gay gắt. Từ đó đến nay chị S không quan tâm gì đến anh và con, khi về Việt Nam chị S cũng không về nhà mà về nhà mẹ đẻ, vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nay chị S yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

- Về quan hệ con chung: Anh chị có 01 con chung như chị S trình bày là đúng. Anh là người trực tiếp chăm sóc con chung nên khi vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng tiếp tục được nuôi con chung đến khi trưởng thành, anh tự nguyện không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

Các đương sự đều vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đến nay tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa cũng như những người tham gia tố tụng cơ bản tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng nhưng thời hạn xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 476 BLTTDS.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận cho chị S được ly hôn anh H. Về con chung thì giao con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Chị S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Chị Lưu Thị S là người Việt Nam hiện đang sinh sống tại Đài Loan, có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn H có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Theo Công văn của Cục quản lý xuất nhập cảnh, lần gần nhất chị S xuất cảnh là vào ngày 04/11/2019. Từ đó đến nay chị S chưa nhập cảnh lần nào. Đơn xin ly hôn, giấy ủy quyền của chị S vào ngày 16/10/2019 đều có xác nhận của UBND xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương nên được công nhận là hợp pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 478 BLTTDS.

- Chị Lưu Thị S hiện nay sinh sống ở Đài Loan không có điều kiện về Việt Nam nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho bà Đỗ Thị T giao nhận các văn bản tố tụng với Tòa án.

- Bà T đồng ý nhận ủy quyền của chị S để giao nộp và nhận các tài liệu, giấy tờ, quyết định của tòa án, bà T cam đoan do chị S đang ở Đài Loan nên có nguyện vọng xin được giải quyết vắng mặt và bà T sẽ có trách nhiệm thông báo và giao lại cho chị S các giấy tờ, tài liệu, quyết định của tòa án.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt nhưng đều đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228 BLTTDS năm 2015, xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh H tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp

pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 07 năm, đến năm 2016 thì chị S đi lao động tại Đài Loan. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về hướng phát triển kinh tế. Chị S không về Việt Nam, vợ chồng ly thân 05 năm và dần dần không còn liên lạc với nhau. Xét thấy tình trạng vợ chồng giữa chị S và anh H đã trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị S ly hôn với anh H là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị S và anh H cùng xác định có 01 con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 18/5/2010, hiện đang ở với anh H. Khi ly hôn chị S và anh H cùng đề nghị giao con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Anh H tự nguyện không yêu cầu chị S cấp dưỡng tiền nuôi con. Cháu Minh T có nguyện vọng xin được ở với bố. Xét thấy quan điểm của anh chị có sự thống nhất và phù hợp với nguyện vọng của các con chung nên cần chấp nhận.

Chị S và anh H không yêu cầu giải quyết về chi phí cấp dưỡng nên HĐXX không xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị S và anh H cùng xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Chị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lưu Thị S được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 18/5/2010 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Chị S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Chị Lưu Thị S có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở và quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị Lưu Thị S phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) đồng án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng do bà Đỗ Thị T nộp thay tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai thu số AA/2018/0002659 ngày 15/5/2020. Chị S đã nộp đủ án phí.

4. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã P, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Đăng Huy